

Số: 1016/TB-BVBY
Về việc mời chào giá dịch vụ tư
vấn thẩm định giá

Bắc Yên, ngày 10 tháng 12 năm 2025

THÔNG BÁO MỜI CHÀO GIÁ

Để có cơ sở lập dự toán mua sắm, Bệnh viện kính mời các đơn vị có khả năng cung cấp dịch vụ tư vấn thẩm định giá gói thầu: Mua hóa chất, sinh phẩm năm 2025 của bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Yên theo các thông tin sau:

Tên gói thầu: Mua hóa chất, sinh phẩm năm 2025 của Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Yên.

Nội dung: Gói thầu gồm 63 mặt hàng (có phụ lục chi tiết kèm theo)

Hồ sơ báo giá gồm: (nộp trực tiếp tại bệnh viện hoặc qua đường bưu điện):

1. Bảng giá dịch vụ tư vấn (do đại diện hợp pháp ký và đóng dấu).

+ Bảng báo giá đã bao gồm đầy đủ các loại thuế, phí và lệ phí (nếu có); được chào bằng đồng tiền Việt Nam

+ Bảng báo giá phải có ngày tháng báo giá, hiệu lực báo giá: 90 ngày (gửi bản mềm qua mail: phongkhthdkby@gmail.com).

2. Hồ sơ năng lực: 01 bộ.

- Thời gian nhận báo giá: Từ 17 giờ 00 phút ngày 10/12/2025 đến trước 17 giờ 00 phút ngày 17/12/2025.

- Địa chỉ nhận báo giá: **BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC BẮC YÊN**

+ Địa chỉ: Tiểu khu Phiêng Ban 2, xã Bắc Yên, tỉnh Sơn La;

+ Điện thoại : 0212.3860.138

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý đơn vị.

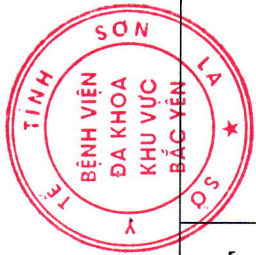
Nơi nhận:

- Đăng tải Website bệnh viện;
- Lưu: VT, HST.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



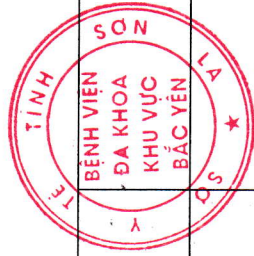
Nguyễn Tiến Tuấn



Phụ lục

(Kèm theo thông báo số 1016/TB-BVBY ngày 10/12/2025)

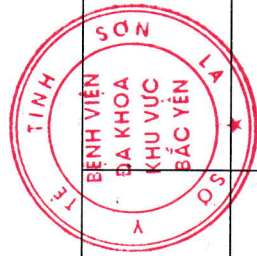
STT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình, tính năng kĩ thuật	Đơn vị tính	SL dự kiến	Ghi chú
Phần I: Hóa chất, vật tư xét nghiệm (1-52)					
I. Hóa chất cho máy xét nghiệm sinh hóa tự động (1-25)					
1	Hóa chất xét nghiệm định lượng Albumin	* Hóa chất xét nghiệm định lượng Albumin sử dụng trên máy xét nghiệm sinh hóa; * Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485.	ml	800	
2	Hóa chất xét nghiệm định lượng Acohol	* Hóa chất xét nghiệm định lượng Alcohol sử dụng trên máy xét nghiệm sinh hóa;* Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485.	ml	800	
3	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Ethanol	* Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Ethanol sử dụng trên máy xét nghiệm sinh hóa;* Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485.	ml	3	
4	Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng Ethanol	* Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm định lượng ethanol controls mức 1 sử dụng trên máy xét nghiệm sinh hóa;* Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485.	ml	3	
5	Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng Ethanol	* Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm định lượng ethanol controls mức 2 sử dụng trên	ml	3	



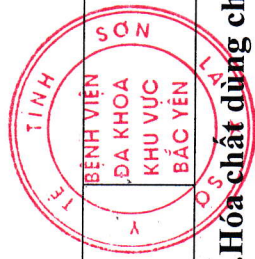
		máy xét nghiệm sinh hóa;* Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485.			
6	Hóa chất xét nghiệm định lượng Amylase	* Hóa chất xét nghiệm định lượng Amylase sử dụng trên máy xét nghiệm sinh hóa;* Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485.	ml	600	
7	Hóa chất xét nghiệm định lượng Bilirubin trực tiếp	* Hóa chất xét nghiệm định lượng Bilirubin trực tiếp sử dụng trên máy xét nghiệm sinh hóa;* Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485.	ml	950	
8	Hóa chất xét nghiệm định lượng Bilirubin toàn phần	* Hóa chất xét nghiệm định lượng Bilirubin toàn phần sử dụng trên máy xét nghiệm sinh hóa;* Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485.	ml	950	
9	Hóa chất xét nghiệm định lượng Cholesterol	* Hóa chất xét nghiệm định lượng Cholesterol sử dụng trên máy xét nghiệm sinh hóa;* Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485.	ml	3 500	
10	Hóa chất xét nghiệm định lượng Creatinine	* Hóa chất xét nghiệm định lượng Creatinine sử dụng trên máy xét nghiệm sinh hóa;* Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485.	ml	12 000	
11	Hóa chất xét nghiệm định lượng Glucose	* Hóa chất xét nghiệm định lượng Glucose sử dụng trên máy xét nghiệm sinh hóa;* Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485.	ml	12 000	



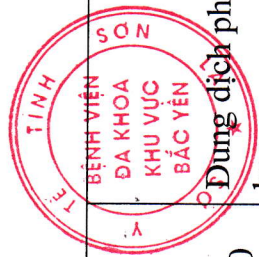
12	Hóa chất xét nghiệm định lượng ALT	* Hóa chất xét nghiệm định lượng ALT sử dụng trên máy xét nghiệm sinh hóa;* Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485.	ml	12 000	
13	Hóa chất xét nghiệm định lượng AST	* Hóa chất xét nghiệm định lượng AST sử dụng trên máy xét nghiệm sinh hóa;* Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485.	ml	12 000	
14	Hóa chất xét nghiệm định lượng Protein	* Hóa chất xét nghiệm định lượng Protein sử dụng trên máy xét nghiệm sinh hóa;* Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485.	ml	1 000	
15	Hóa chất xét nghiệm định lượng Triglycerides	* Hóa chất xét nghiệm định lượng Triglycerides sử dụng trên máy xét nghiệm sinh hóa;* Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485.	ml	9 000	
16	Hóa chất xét nghiệm định lượng Ure	* Hóa chất xét nghiệm định lượng Ure sử dụng trên máy xét nghiệm sinh hóa;* Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485.	ml	12 000	
17	Hóa chất xét nghiệm định lượng Uric Acid	* Hóa chất xét nghiệm định lượng Uric Acid sử dụng trên máy xét nghiệm sinh hóa;* Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485.	ml	1 200	
18	Hóa chất xét nghiệm định lượng GGT	* Hóa chất xét nghiệm định lượng GGT sử dụng trên máy xét nghiệm sinh hóa;* Đạt	ml	700	



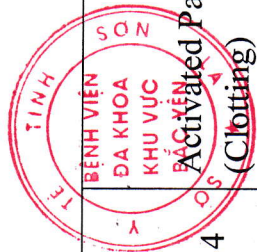
		tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485.			
19	Hóa chất xét nghiệm định lượng LDL	* Hóa chất xét nghiệm định lượng LDL sử dụng trên máy xét nghiệm sinh hóa;* Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485.	ml	3 500	
20	Hóa chất xét nghiệm định lượng HDL	* Hóa chất xét nghiệm định lượng HDL sử dụng trên máy xét nghiệm sinh hóa;* Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485.	ml	3 500	
21	Hóa chất xét nghiệm định lượng Calcium	* Hóa chất xét nghiệm định lượng Calcium sử dụng trên máy xét nghiệm sinh hóa;* Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485.	ml	720	
22	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng thông số sinh hóa	* Hóa chất hiệu chuẩn sử dụng trên máy sinh hóa* Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485.	ml	200	
23	Vật liệu kiểm soát mức thường xét nghiệm định lượng thông số sinh hóa	* Hóa chất kiểm tra mức bình thường sử dụng trên máy sinh hóa * Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485.	ml	200	
24	Vật liệu kiểm soát mức cao xét nghiệm định lượng thông số sinh hóa	* Hóa chất kiểm tra mức cao sử dụng trên máy sinh hóa * Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485.	ml	100	
25	Nước rửa dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa	* Nước rửa dùng cho máy xét nghiệm sinh	ml	42 000	



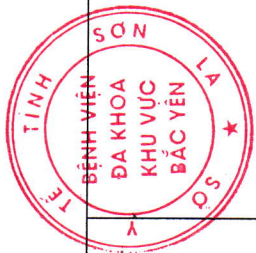
		hóa* Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485		
II. Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm HbA1c (26-28)				
26	Hóa chất xét nghiệm định lượng HbA1c	* Hóa chất xét nghiệm định lượng HbA1c sử dụng trên máy xét nghiệm HbA1c; * Thành phần: - Thuốc thử R1 - Thuốc thử R2 2 đầu pipet 1 thẻ RFID card * Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485.	Test	2000
27	Hóa chất kiểm tra HbA1c mức 1	* Hóa chất kiểm tra HbA1c mức 1; * Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485.	Hộp	2
28	Hóa chất kiểm tra HbA1c mức 2	* Hóa chất kiểm tra HbA1c mức 2; * Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485.	Hộp	2
III. Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm huyết học (29-32)				
29	Máu chuẩn dùng cho máy huyết học 3 mức	* Hóa chất kiểm chuẩn sử dụng trên máy xét nghiệm huyết học; * Thành phần tối thiểu: hồng cầu người, bạch cầu và tiểu cầu động vật có vú; * Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485.	ml	45



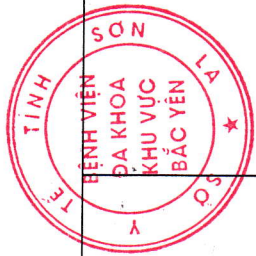
30	Dung dịch pha loãng dùng cho máy xét nghiệm huyết học	* Hóa chất pha loãng sử dụng trên máy xét nghiệm huyết học; * Thành phần chính: 5% sodium chloride, 1% sodium sulfate, 0.5% chất đệm boric acid; * Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485.	Lít	1 800	
31	Dung dịch phá hồng cầu dùng cho máy xét nghiệm huyết học	* Hóa chất ly giải sử dụng trên máy xét nghiệm huyết học; * Thành phần chính: 4.1 g/L sodium chloride, 8.5 g/L chất hoạt động bề mặt cation; * Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485.	ml	50 000	
32	Dung dịch rửa máy dùng cho máy xét nghiệm huyết học	* Dung dịch rửa máy sử dụng trên máy xét nghiệm huyết học; * Thành phần chính: Sodium Hypochlorite 5%; * Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485.	ml	4 000	
IV. Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm đông máu (33-36)					
33	Prothrombin Time Reagent Kit (Clotting)	* Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm đông máu;* Dạng test túi kín, mỗi túi chứa 1 que thử và 1 túi hút ẩm;* Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485.	Test	3 600	



34	Activated Partial Thromboplastin Time Reagent Kit	* Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm đông máu; * Dạng test túi kín, mỗi túi chứa 1 que thử và 1 túi hút ẩm; * Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485.	Test	3 600	
35	Fibrinogen Reagent Kit (Clotting)	* Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm đông máu; * Dạng test túi kín, mỗi túi chứa 1 que thử và 1 túi hút ẩm; thẻ ID chip * Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485.	Test	240	
36	Thrombin Time Reagent Kit (Clotting)	* Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm đông máu; * Dạng test túi kín, mỗi túi chứa 1 que thử và 1 túi hút ẩm; * Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485.	Test	24	
V.Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch (37-43)					
37	ichroma PSA	* Bộ hóa chất xét nghiệm miễn dịch để định lượng Prostate Specific Antigen (PSA) trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương người sử dụng trên máy xét nghiệm miễn dịch;* Thành phần gồm: Que thử Cartridges, lọ Detection Buffer, ống lấy máu mao mạch và thẻ ID chip;* Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485.	Hộp	2	



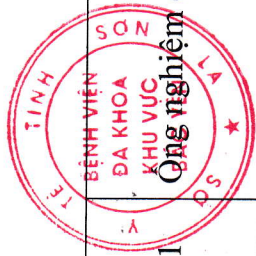
38	ichroma AFP	* Bộ hóa chất xét nghiệm miễn dịch để định lượng Alpha Feto Protein (AFP) trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương người sử dụng trên máy xét nghiệm miễn dịch;* Thành phần gồm: Que thử Cartridges, lọ Detection Buffer và thẻ ID chip;* Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485.	Hộp	2	
39	ichroma CEA	* Bộ hóa chất xét nghiệm miễn dịch để định lượng CEA trong huyết thanh hoặc huyết tương người sử dụng trên máy xét nghiệm miễn dịch;* Thành phần gồm: Que thử Cartridges, lọ Detection Buffer và thẻ ID chip;* Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485.	Hộp	2	
40	ichroma TSH	* Hóa chất xét nghiệm dùng để định lượng TSH trong huyết thanh/huyết tương người sử dụng trên máy xét nghiệm miễn dịch;* Thành phần: Que thử Cartridges, lọ Detection Buffer, ống lấy máu mao mạch và thẻ ID chip;* Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485.	Hộp	8	



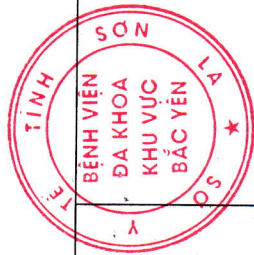
41	ichroma T4	* Hóa chất xét nghiệm dùng để định lượng Thyroxine (T4) trong huyết thanh/huyết tương người sử dụng trên máy xét nghiệm miễn dịch;* Thành phần: Que thử Cartridges, lọ Detection Buffer, ống lấy máu mao mạch, dung dịch pha loãng, và thẻ ID chip;* Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485.	Hộp	8	
42	ichroma T3	* Hóa chất xét nghiệm dùng để định lượng triiodothyronine (T3) trong huyết thanh/huyết tương người sử dụng trên máy xét nghiệm miễn dịch;* Thành phần: Que thử Cartridges, lọ Detection Buffer, ống lấy máu mao mạch, ống trộn mẫu, dung dịch pha loãng, và thẻ ID chip;* Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485.	Hộp	8	
43	ichroma PCT	* Hóa chất xét nghiệm dùng để định lượng Procalcitonin (PCT) trong máu toàn phần/huyết thanh/huyết tương người sử dụng trên máy xét nghiệm miễn dịch;* Thành phần: Que thử Cartridges, lọ Detection Buffer và thẻ ID chip;* Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485.	Hộp	4	
VI.Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm nước tiểu (44-45)					



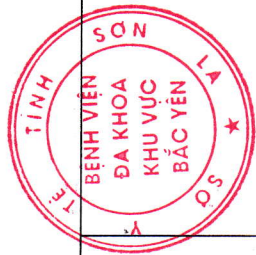
44	Que thử nước tiểu 10 thông số	* Que thử nước tiểu 10 thông số sử dụng trên máy xét nghiệm nước tiểu 10 thông số. * Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485.	Test	10 000	
45	Que thử nước tiểu 11 thông số	* Que thử nước tiểu 11 thông số sử dụng trên máy xét nghiệm nước tiểu 11 thông số * Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485.	Test	20 000	
VII. Vật tư dùng cho xét nghiệm (46-52)					
46	Bóng đèn máy sinh hóa	* Bóng đèn 20W/12V dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa;* Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485.	Cái	15	
47	Cuvette dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa	* Chất liệu nhựa. Bộ 6 cái, tổng 120 vị trí.* Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485.	Bộ	1	
48	Ống nghiệm lấy máu có chống đông Sodium Citrate 3.2%	* Ống nhựa 5ml, kích thước 13x75mm, được bơm hóa chất chống đông Natri Citrate 3.2%, nắp màu xanh dương;* Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485.	Ống	5 500	
49	Ống nghiệm lấy máu có chống đông K2 EDTA	* Ống nghiệm nhựa 5ml (12x75mm), nắp màu xanh dương, có chống đông EDTA;* Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485.	Ống	30 000	
50	Ống nghiệm lấy máu có chống đông Heparin	* Ống nghiệm nhựa 5ml (12x75mm), nắp màu đen, có chống đông Heparin;* Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485.	Ống	30 000	



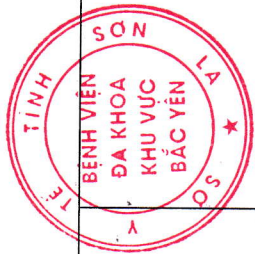
51	Ống nghiệm đựng nước tiểu	* Ống nghiệm nhựa, kích thước 16x100mm;* Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485.	Ống	27 000	
52	Giấy in nhiệt máy nước tiểu	* Kích thước: 57mm x 30m, dùng cho máy in nhiệt nước tiểu;* Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485.	Cuộn	50	
Phần 2: Sinh phẩm chẩn đoán invitro, test nhanh (53-63)					
53	Khay thử xét nghiệm định tính kháng nguyên Dengue	* Định tính phát hiện kháng nguyên Dengue NS1 (DEN1, 2, 3, 4) trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần của người; * Mẫu thử: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần; * Độ nhạy tương quan: 100%; Độ đặc hiệu tương quan: $\geq 99,6\%$; * Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485.	Test	50	
54	Khay thử nhanh chẩn đoán bệnh viêm đường ruột do Rotavirus	* Phát hiện sự có mặt của kháng nguyên vi rút Rota trong mẫu phân của người; * Độ nhạy tương quan: 99%; Độ đặc hiệu tương quan: $\geq 99\%$; * Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485.	Test	1.000	



55	Khay thử nhanh chẩn đoán HIV	* Phát hiện sự có mặt của các kháng thể kháng HIV-1 và HIV-2 trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương người; * Độ nhạy: $\geq 99,5\%$; Độ đặc hiệu: $\geq 99,8\%$; * Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485.	khay	4.000	
56	Khay thử nhanh chẩn đoán viêm gan B	* Phát hiện kháng nguyên HBsAg trong huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần của người; * Độ nhạy: 98.89%, Độ đặc hiệu: 98.87% * Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485.	khay	4.000	
57	Khay thử nhanh chẩn đoán viêm gan C	* Phát hiện kháng thể kháng HCV trong huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần; * Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 100%; * Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485.	khay	3.500	
58	Test thử đường huyết	* Loại mẫu phẩm: Máu toàn phần (máu mạch, tĩnh mạch, động mạch và trẻ sơ sinh) * Code chip đã được tích hợp ngay trên que thử (hệ thống tự động mã hóa); * Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485.	Bộ (Test+ kim)	2.500	
59	Test thử ma túy 5 chỉ số	* Phát hiện định tính đồng thời 05 chất gây	Test	2.500	



		nghiệm trong nước tiêu: MOP/Codein/Heroin/AMP/Marijuana : AMP300: Độ nhạy 96.7%, Độ đặc hiệu: 100% COD300: Độ nhạy 97.5%, Độ đặc hiệu: 100% THC50: Độ nhạy 95.8%, Độ đặc hiệu: 100% HER10: Độ nhạy 92.5%, Độ đặc hiệu: 100% MOP300: Độ nhạy 96.7%, Độ đặc hiệu: 100% Nồng độ ngưỡng phát hiện: AMP 300 ng/ml; COD 300 ng/ml ; MOP 300 ng/ml; THC 50 ng/ml; HER 10 ng/ml". * Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485			
60	Khay thử chẩn đoán Chlamydia	* Phát hiện vi khuẩn Chlamedia trong dịch âm đạo; * Độ nhạy: 93,58% ; Độ đặc hiệu: 99,08% * Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485.	Test	200	
61	Bộ thuốc thử sinh hóa phát hiện khuẩn Helicobacter pylori từ mẫu sinh thiết dạ dày	* Phát hiện vi khuẩn H. pylori trong mẫu sinh thiết mô dạ dày; * Độ đặc hiệu $\geq 98\%$; Độ chính xác $\geq 99,8\%$; * Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485.	Test	600	



62	Thẻ định nhóm máu có gắn sẵn huyết thanh ABO	*Thẻ có gắn sẵn huyết thanh dùng để định nhóm máu hệ ABO, Bao gồm que khuấy và decal dán kết quả. Độ nhạy: Anti A: 100%; Anti B: 100% Độ đặc hiệu: Anti A: 100%; Anti B: 100% Chất bảo quản: Sodium azide < 1,0mg/ml trong test xét nghiệm * Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485.	Test	3.000	
63	Huyết thanh định nhóm hệ RH	* Dùng để định nhóm máu hệ Rh; * Độ đặc hiệu 100%; Độ chính xác 100%; * Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485.	Bộ	15	